

Quận 7, ngày 31 tháng 8 năm 2023

## THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở  
và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

### I. Số học sinh chia theo hạnh kiểm-rèn luyện

#### Khối 6,7:

Tổng	SL	Rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	651	559	85.87	88	13.52	4	0.61	0	0
Khối 6	383	333	86.95	50	13.05	0	0	0	0
Khối 7	268	226	84.33	38	14.18	4	1.49	0	0

#### Khối 8,9:

Tổng	SL	Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
		684	606	88.6	70	10.23	8	1.17	0
Khối 8	337	293	86.94	37	10.98	7	2.08	0	0
Khối 9	347	313	90.2	33	9.51	1	0.29	0	0

### II. Số học sinh chia theo học lực-học tập:

#### Khối 6,7:

Tổng	SL	Học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	651	303	46.54	216	33.18	117	17.97	15	2.3
Khối 6	383	204	53.26	121	31.59	54	14.1	4	1.04
Khối 7	268	99	36.94	95	35.45	63	23.51	11	4.1

#### Khối 8,9:

Tổng	SL	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
		684	293	42.84	251	36.7	50	14.84	14	2.05	0
Khối 8	337	180	53.41	93	27.6	50	14.84	14	4.15	0	0
Khối 9	347	113	32.56	158	45.53	76	21.9	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Lớp 6</b>	<b>Lớp 7</b>	<b>Lớp 8</b>	<b>Lớp 9</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1317 (98.65)	380 (99.22)	262 (97.76)	328 (97.33)	347 (100%)
a	Học sinh Xuất sắc (CT 2018) (tỷ lệ so với tổng số)	107 (16.44)	72 (18.8)	35 (13.06)		
b	Học sinh giỏi (CT 2018) (tỷ lệ so với tổng số)	195 (29.95)	131 (34.2)	64 (23.88)		
c	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	288 (42.11)			175 (51.93)	113 (32.56)
d	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	249 (35.40)			91 (27.0)	158 (45.53)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	29 (2.17)	4 (1.04)	11 (4.1)	14 (4.15)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	18 (1.35)	3 (0.78)	6 (2.24)	9 (2.67)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		Đến: 28 hs (2.1%) Đi: 51hs (3.82%)			
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)		15 hs – 1.12%			

IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	Tổng số	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Cấp Quận	12	00	00	00	12
2	Cấp tỉnh/thành phố	08	00	00	00	08
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	347	00	00	00	347
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	347	00	00	00	347
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	113 (32.56)	00	00	00	113 (32.56)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	158 (45.53)	00	00	00	158 (45.53)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	76 (21.9)	00	00	00	76 (21.9)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	676/656	195/185	143/125	165/172	173/174
IX	Số học sinh dân tộc	37	9	5	8	15

Quận 7, ngày 31... tháng 8... năm 2023

HIỆU TRƯỞNG


  
 Cao Thị Lan Phương



